

Số : 1534/KSBT

Bến Tre, ngày 18 tháng 7 năm 2024

THƯ MỜI

Về việc nộp báo giá và Hồ sơ năng lực về bảo trì và hiệu chuẩn
các thiết bị phòng xét nghiệm

Kính gửi : Các công ty bảo trì và hiệu chuẩn thiết bị phòng thí nghiệm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre

Địa chỉ : 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại liên hệ: 02753 822353.

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre có Kế hoạch Bảo trì, hiệu chuẩn các thiết bị phòng Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng phục vụ hoạt động của đơn vị (*Chi tiết danh mục thiết bị bảo trì, hiệu chuẩn đính kèm*)

Căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 127/QĐ-KSBT ngày 15/7/2027 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và đăng tải trên hệ thống đấu thầu quốc gia tại trang Web muasamcong.mpi.gov.vn. Mã KHLCNT số PL2400140859 ngày 18 tháng 7 năm 2024.

Nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến tre gửi thư mời báo giá chi phí Bảo trì, hiệu chuẩn đến quý công ty, đơn vị có đầy đủ năng lực và khả năng đáp ứng xin gửi báo giá chi phí Bảo trì, hiệu chuẩn về địa chỉ nêu trên.

Yêu cầu báo giá

- Hình thức tiếp nhận báo giá: văn bản giấy có đóng mộc dấu. Địa chỉ nêu trên (ngoài phong bì ghi: Báo giá chi phí Bảo trì, hiệu chuẩn các thiết bị phòng xét nghiệm)
- Hiệu lực báo giá : 06 tháng kể ngày kể từ ngày báo giá
- Báo giá bao gồm VAT và chi phí khác (nếu có)
- Thời gian tiếp nhận báo giá : đến hết 14 giờ ngày 23/7/2024.
- Kèm hồ sơ năng lực.
- Đơn xin nhận thầu.

Rất hân hạnh được hợp tác với quý công ty, đơn vị.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website cdcbentre.org
- Lưu: TMS,VT.



Phạm Hồng Thái



DANH MỤC THIẾT BỊ

(Kèm theo Thư mời số 1524/KSBT ngày 18/7/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

ST T	Tên thiết bị	Mã TB	Đơn giá Bảo trì (VNĐ/TB)	Đơn giá Hiệu chuẩn (VNĐ/TB)	SL	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Máy sinh hóa tự động TC Matrix	C09/SHHH			1	-	Hiệu chuẩn
2	Máy đọc Elisa, Hãng: Chromate, Model: 4300	VRHT15			1	-	Vừa HC, BT
3	Máy rửa, Hãng: Bio-Rad, Model: PW40	VRHT21			1	-	Bảo trì
4	Máy ủ IPS, Hãng: Bio-Rad	VRHT13			1	-	Vừa HC, BT
5	Máy ly tâm lạnh Eppendorf	VRHT11			1	-	Bảo trì
6	Tủ ấm Memmert INB 400	B.001			1	-	41,5 44 độ C Vừa HC, BT
7	Tủ ấm Memmert INB 500	B.002			1	-	30, 37 độ C Vừa HC, BT
8	Tủ ấm JSR JSGL-153P	B.003			1	-	30, 37 độ C Vừa HC, BT
9	Tủ ấm JSGL-30T	B.005			1	-	41,5 44 độ C Vừa HC, BT
10	Cân kỹ thuật PA2102	B.007			1	-	Hiệu chuẩn
11	Cân kỹ thuật PA213	B.008			1	-	Hiệu chuẩn
12	Máy đo pH để bàn Peak Instruments Inc	B.010			1	-	pH 4,7,10 Hiệu chuẩn
13	Nồi hấp tiệt trùng TOMY ES-315	B.015			1	-	115, 121 độ C Vừa HC, BT
14	Nồi hấp tiệt trùng ALPCL-32L(VS)	B.018			1	-	121 độ C Vừa HC, BT
15	Tủ sấy Memmert UNE 400	B.017			1	-	180 độ C Vừa HC, BT
16	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO	B.025			1	-	HC, BT Vừa HC, BT
17	Tủ an toàn sinh học cấp II TELSTAR	B.026			1	-	Vừa HC, BT
18	(1) Nhiệt Kế Điện Tử SATOSK-270WP	B.54			1	-	44 độ C Hiệu chuẩn
19	(1) Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.55			1	-	37 độ C Hiệu chuẩn

ST T	Tên thiết bị	Mã TB	Đơn giá Bảo trì (VNĐ/TB)	Đơn giá Hiệu chuẩn (VNĐ/TB)	SL	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
20	(1) Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.56			1	-	30 độ C Hiệu chuẩn
21	(1) Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.57			1	-	37 độ C Hiệu chuẩn
22	(1) Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.58			1	-	41 độ C Hiệu chuẩn
23	(1) Nhiệt kế điện tử đầu dò Control Traceable 4147	B.035			1	-	180 độ C Hiệu chuẩn
24	(1) Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.036			1	-	25 0C, 75% Hiệu chuẩn
25	(1) Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.037			1	-	25 0C, 75% Hiệu chuẩn
26	(1) Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.038			1	-	25 0C, 75% Hiệu chuẩn
27	(1) Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.040			1	-	25 0C, 75% Hiệu chuẩn
28	(1) Nhiệt kế thủy tinh MAXIMA	B.044			1	-	115, 121 độ C Hiệu chuẩn
29	(1) Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51 độ C) ALLA	B.041			1	-	2, 8 độ C Hiệu chuẩn
30	(1) Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51 độ C) ALLA	B.042			1	-	2, 8 độ C Hiệu chuẩn
31	(1) Nhiệt kế thủy tinh (-19 đến 620C) AMA	B.045			1	-	2, 8 độ C Hiệu chuẩn
32	(1) Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	B.066			1	-	2, 8 độ C Hiệu chuẩn
33	(1) Micropipette Eppendorf 100µl				1	-	Hiệu chuẩn
34	(1) Micropipette Biorad 100- 1000 µl				1	-	Hiệu chuẩn
35	(1) Micropipette Human 200- 1000 µl	B.061			1	-	Hiệu chuẩn
36	Tủ lạnh Electrolux	B.031			1	-	Vừa HC, BT
37	Tủ lạnh sanyo	B.032			1	-	Vừa HC, BT
38	Tủ lạnh Toshiba	B.033			1	-	Vừa HC, BT
39	Tủ mát Alaska	B.052			1	-	Vừa HC, BT

ST T	Tên thiết bị	Mã TB	Đơn giá Bảo trì (VNĐ/TB)	Đơn giá Hiệu chuẩn (VNĐ/TB)	SL	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
40	Tủ lạnh âm sâu Evermed	B.059			1	-	(-20 độ C) Hiệu chuẩn
41	Máy quang phổ Shimadzu UV-1800	A001-2			1	-	Độ lặp lại, độ chính xác của ABS tại bước sóng 510, 543, 456, 525, 415, 420 Hiệu chuẩn
42	Cân kỹ thuật Ohaus PA213	A009-3			1	-	Hiệu chuẩn
43	Cân phân tích Ohaus 0,1mg/210g PA214	A009			1	-	Hiệu chuẩn
44	Cân kỹ thuật Ohaus 0,01g/2100g PA2102	A009-4			1	-	Hiệu chuẩn
45	Máy đo pH để bàn Peak Instruments Inc	A002-6			1	-	pH 4, 7, 10 Hiệu chuẩn
46	Máy đo pH HORIBA LAQUA - PH1100	A002-4			1	-	pH 4, 7, 10 Hiệu chuẩn
47	(1) Máy đo độ đục cầm tay Hanna HI98703	A003-2			1	-	0, 2, 5, 10, 20, 100, 800 NTU Hiệu chuẩn
48	(1) Máy đo độ dẫn cầm tay Palintest	A042			1	-	2 μ S/cm Hiệu chuẩn
49	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	A004-2			1	-	97 độ C Hiệu chuẩn
50	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	A004-3			1	-	97, 70 độ C Hiệu chuẩn
51	Tủ sấy Memmert UNE400	A013			1	-	105, 180 độ C Hiệu chuẩn
52	Tủ sấy Memmert UNE400	A013-2			1	-	105, 180 độ C Hiệu chuẩn
53	Lò nung LENTON ECF 12/10	A026			1	-	525 độ C Hiệu chuẩn
54	(1) Máy đo nhiệt độ EBRO TTX100	A040			1	-	(-20), 3, 15 Hiệu chuẩn
55	(1) Máy đo nhiệt độ Precision C08Q61	A040-2			1	-	105 độ C Hiệu chuẩn

TIN
TRUNG T
SOÁT Đ
NH BẾN
★

ST T	Tên thiết bị	Mã TB	Đơn giá Bảo trì (VNĐ/TB)	Đơn giá Hiệu chuẩn (VNĐ/TB)	SL	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
56	(1) Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	A040-03			1	-	(-20), 3, 4, 15, 20, 97, 105 độ C Hiệu chuẩn
57	(1) Nhiệt kế điện tử ISOLAB	A040-04			1	-	3, 15, 9 độ C Hiệu chuẩn
58	(1) Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	A041			1	-	25 độ, 75 % Hiệu chuẩn
59	(1) Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	A041-2			1	-	25 độ, 75 % Hiệu chuẩn
60	Tủ hút khí độc Esco EFH-5A1	A005			1	-	Bảo trì
61	Tủ hút khí độc Esco ADC-4B1	A005-2			1	-	Bảo trì
62	Máy cất nước cất 2 lần HAMILTON AWC/4D	A015-4			1	-	Bảo trì
63	Máy đo clo dư tự do và clo tổng Hanna HI97711	A044			1	-	Hiệu chuẩn
64	Tủ lạnh Lovibond	A020			1	-	20 độ C, vừa BT, HC
65	Tủ mát Fiocchetti	A043			1	-	15 0C Hiệu chuẩn
66	Tủ lạnh Sharp 145 lít	A038			1	-	Bảo trì
67	Tủ lạnh Toshiba	A038-2			1	-	Bảo trì
68	(1) Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10oC) - (110oC) (mã số A043-1) (ngăn mát tủ lạnh)	A043-1			1	-	3 độ C Hiệu chuẩn
69	(1) Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10oC) - (110oC) (mã số A043-2) (ngăn mát tủ lạnh)	A043-2			1	-	3 độ C Hiệu chuẩn
70	(1) Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19oC) - (62oC) (mã số A044-1) (ngăn đông tủ lạnh)	A044-1			1	-	(-15) độ C Hiệu chuẩn
71	(1) Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19oC) - (62oC) (mã số A044-2) (ngăn đông tủ lạnh)	A044-2			1	-	(-15) độ C Hiệu chuẩn
72	(1) Cồn kế 0-35 độ rượu có nhiệt kế (mã số A047-1)	A047-1			1	-	Hiệu chuẩn

ST T	Tên thiết bị	Mã TB	Đơn giá Bảo trì (VNĐ/TB)	Đơn giá Hiệu chuẩn (VNĐ/TB)	SL	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
73	(1) Cồn kể 35-75 độ rượu có nhiệt kế (mã số A047-2)	A047-2			1	-	Hiệu chuẩn
74	(1) Micropipet Biohit (Phần Lan) 1000µl (A050)	A050			1	-	Hiệu chuẩn
75	(1) Micropipet Hirschmann 50 µl (A048)	A048			1	-	Hiệu chuẩn
76	Tủ lạnh Samsung	G02-1			1	-	Bảo trì
77	(1) Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân (-10 đến 110 độ C) AMA	G03-1			1	-	-10 độ C Hiệu chuẩn
78	(1) Nhiệt kế thủy ngân chất lỏng (-1 đến 51 độ C) AMA	G03-2			1	-	5 độ C Hiệu chuẩn
79	(1) Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	G01-1			1	-	25 độ, 75 % Hiệu chuẩn
80	(2) Nhiệt kế hồng ngoại ETI(- 30 đến 330 độ C)	G04-1			1	-	5, (-20) độ C Hiệu chuẩn, Nhà thầu phụ thực hiện
81	Nồi hấp tiệt trùng Tommy SS325	N.018			1	-	Vừa HC. BT 121 độ C
82	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	E.02-1			1	-	Vừa BT, HC
83	Tủ pha Mix PCR ESCO	E.02-3			1	-	Vừa BT, HC
84	(1) Micropipet Hettich 2-20 µl				1	-	Hiệu chuẩn
85	(1) Micropipet Hettich 20-200 µl				1	-	Hiệu chuẩn
86	(1) Micropipet Hettich 100- 1000 µl				1	-	Hiệu chuẩn
87	(1) Micropipet Eppendorf 0.5- 10 µl				1	-	Hiệu chuẩn
88	(1) Micropipet VITLAB 100- 1000µl				1	-	Hiệu chuẩn
89	(1) Micropipet VITLAB 20- 200µl				1	-	Hiệu chuẩn
90	Máy Realtime PCR Rotor Gen Q (Qiagen)				2	-	Bảo trì
91	Tủ an toàn sinh học BIOBASE				1	-	Bảo trì

ST T	Tên thiết bị	Mã TB	Đơn giá Bảo trì (VNĐ/TB)	Đơn giá Hiệu chuẩn (VNĐ/TB)	SL	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
92	Máy tách chiết tự động BIOER 96				1	-	Bảo trì
93	Máy tách chiết tự động QIAGEN Symphony				1	-	Bảo trì
94	Kính hiển vi OLYMPUS CX21 FS1	(cs2)			1	-	Bảo trì
95	Kính hiển vi OLYMPUS CX23 FS1	(cs2)			1	-	Bảo trì
96	(1) Pipet - Nexty - 100/Watson - Nhật	(cs2)			2	-	Hiệu chuẩn
TỔNG CỘNG SAU VAT						-	
Bảng chữ:							